**Mẫu số 7B**

**BẢN CHẤM ĐIỂM THI ĐUA CHUYÊN ĐỀ****“XANH - SẠCH - ĐẸP, BẢO ĐẢM AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG”***(Giành cho đơn vị cơ sở các cơ quan sự nghiệp, y tế, trường học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM tối đa** | **ĐIỂM chấm** |
| **I** | **NỘI DUNG I**  **Kết quả đạt được** | **20** |  |
| 1.1 | Đã trồng, chăm sóc cây xanh, vườn hoa cây cảnh tạo cảnh quan môi trường Xanh-Sạch- Đẹp tại nơi làm việc (có số liệu báo cáo cụ thể) | 2 |  |
| - Không gây ô nhiễm môi trường lao động, môi trường xung quanh | 3 |  |
| - Điều kiện vệ sinh lao động, vi khí hậu đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép | 3 |  |
| - Giữ vệ sinh sạch sẽ, gọn gàng nơi làm việc | 2 |  |
| 2.2 | - Không tăng thêm số lượng CBCNVC sức khỏe yếu và BNN | 2 |  |
|  | - Không có TNLĐ nặng | 4 |  |
|  | - Không để xảy ra TNLĐ nhẹ, sự cố kỹ thuật, cháy nổ. | 4 |  |
| **II** | **NỘI DUNG II**  **Công đoàn cơ sở phối hợp với NSDLĐ tuyên truyền vận động, tổ chức thực hiện phong trào “Xanh- Sạch- Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”** | **10** |  |
| 2.1 | - Xây dựng chương trình, kế hoạch kinh phí, tổ chức phát động thi đua thực hiện phong trào “Xanh- Sạch- Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, với những nội dung cụ thể ở các đơn vị. | 4 |  |
| 2.2 | - Tổ chức tốt, thường xuyên các hình thức thông tin, cổ động, tuyên truyền về phong trào “Xanh- Sạch- Đẹp, bảo đảm ATVSLĐ” | 3 |  |
| 2.3 | - Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để duy trì, phát triển phong trào | 3 |  |
| **III** | **NỘI DUNG III**  **Công đoàn cơ sở phối hợp với thủ trưởng đơn vị, NSDLĐ chấp hành chế độ chính sách, xây dựng nội quy, thực hiện ATVSLĐ, PCCN** | **70** |  |
|  | ***a) Chấp hành chế độ chính sách, tổ chức bộ máy*** | ***(30)*** |  |
| 3.1 | Các biện pháp thực hiện chế độ chính sách: |  |  |
| - CĐCS tham gia với thủ trưởng đơn vị, NSDLĐ trong việc xây dựng, và thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBCC có nội dung ATVSLĐ | 3 |  |
| - Xây dựng và thực hiện tốt chương trình công tác ATVSLĐ; quy chế phối hợp giữa BCH công đoàn với Thủ trưởng đơn vị (NSDLĐ); xây dựng và thực hiện đầy đủ nội quy, quy chế, quy định liên quan đến an toàn lao động, vệ sinh lao động | 3 |  |
| 3.2 | Công tác tổ chức, bộ máy làm ATVSLĐ |  |  |
| - Có phân công cán bộ làm công tác ATVSLĐ, phân định trách nhiệm cán bộ trong công tác ATVSLĐ. | 3 |  |
| - Có mạng lưới ATVSV, có quy chế hoạt động, CĐCS chỉ đạo mạng lưới ATVSV hoạt động có hiệu quả | 3 |  |
| 3.3 | Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật. Hướng dẫn, huấn luyện ATVSLĐ |  |  |
| - Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nhiệm vụ cụ thể của cơ sở trong công tác ATVSLĐ phù hợp với đặc điểm ngành, nghề | 3 |  |
| - Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ, công tác phòng chống cháy nổ cho NLĐ, ATVSV theo quy định của pháp luật. | 3 |  |
| - Có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo dõi, quản lý công tác huấn luyện ATVSLĐ theo quy định của pháp luật. | 2 |  |
| 3.4 | Công tác kiểm tra, tự kiểm tra và thực hiện các quy định khác về ATVSLĐ: |  |  |
| - Có kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra theo quy định. | 2 |  |
| - Thực hiện đầy đủ các kiến nghị của đoàn kiểm tra theo đúng thời gian yêu cầu. Có đủ hồ sơ sổ sách quản lý, theo dõi công tác kiểm tra, kiến nghị (Biên bản kiểm tra, Sổ ghi biên bản kiểm tra) | 2 |  |
| - Khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNVC, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho NLĐ có nguy cơ mắc BNN | 2 |  |
| - Thực hiện đầy đủ chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng hiện vật theo quy định (Nếu không có các nghề nặng nhọc, độc hại phải bồi dưỡng thì cho điểm tối đa) | 2 |  |
| - Thực hiện chế độ khai báo, điều tra, thống kê báo cáo TNLĐ, bồi thường, trợ cấp TNLĐ, BNN; có đủ hồ sơ quản lý thực hiện chính sách chế độ ATVSLĐ, chế độ báo cáo. | 2 |  |
|  | ***b) Biện pháp kỹ thuật toàn, Phòng chống cháy nổ*** | ***(25)*** |  |
| 3.5 | Tình trạng nơi làm việc, máy móc thiết bị: |  |  |
| - Bố trí nơi làm việc, nhà làm việc, đường đi lối lại, lắp đặt máy, thiết bị đúng tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật an toàn. | 2 |  |
| - Có đủ thiết bị an toàn; che chắn các bộ phận dễ gây nguy hiểm của máy, thiết bị; rào chắn vùng nguy hiểm | 3 |  |
| 3.6 | Quản lý an toàn máy móc, thiết bị |  |  |
| - Quản lý, sử dụng an toàn các loại máy, thiết bị, vật tư, điện chiếu sáng, điện động lực theo đúng quy định. | 3 |  |
| - Thực hiện tốt chế độ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc theo quy định | 2 |  |
| 3.7 | Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động: |  |  |
| - Có đủ nội quy, quy định, chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động tại vị trí thích hợp nơi làm việc | 3 |  |
| - NLĐ thực hiện tốt: nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động, văn hóa an toàn, văn minh công sở | 3 |  |
| - Đơn vị có đủ trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế và cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, cho NLĐ đúng quy định | 3 |  |
| - Người lao động sử dụng đầy đủ trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc theo quy định | 2 |  |
| 3.8 | Phòng chống cháy nổ: |  |  |
| - Có phương án PCCN được Phòng Cảnh sát PCCC thông qua. Có thành lập lực lượng chữa cháy tại chỗ, duy trì hoạt động có hiệu quả. | 2 |  |
| - Có đầy đủ nội quy, tiêu lệnh, và các dụng cụ phương tiện phòng chống cháy nổ theo quy định. | 2 |  |
|  | ***c) Vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động*** | ***(15)*** |  |
| 3.9 | Vệ sinh lao động |  |  |
| - Thực hiện việc đo kiểm tra môi trường lao động hàng năm theo quy định của pháp luật (có số liệu cụ thể) | 3 |  |
| - Có hệ thống thông gió, làm mát; xử lý bụi, hơi khí độc; chống ồn, rung; chiếu sáng đạt yêu cầu | 3 |  |
| - Có đủ hệ thống kỹ thuật xử lý nước thải, chất thải công nghiệp, đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt | 3 |  |
| - Có đủ các cơ sở vệ sinh phúc lợi theo Tiêu chuẩn vệ sinh lao động | 3 |  |
| 3.10 | Có sáng kiến, áp dụng sáng kiến cải thiện ĐKLĐ hoặc thực hiện công trình cải thiện ĐKLĐ đạt hiệu quả (có số liệu cụ thể) | 3 |  |
|  | **Tổng hợp kết quả chấm điểm** | **100** |  |